

KHẢO SÁT KHẢ NĂNG SÁNG TẠO CỦA SINH VIÊN QUA HOẠT ĐỘNG VIẾT CHIÊM NGHIỆM

ĐOÀN THÚY QUỲNH *

Tóm tắt: Bài viết có mục đích tìm hiểu khả năng sáng tạo của người học qua hoạt động viết chiêm nghiệm. Để thực hiện nghiên cứu, chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu hành động gồm 4 bước (lên kế hoạch, hành động, quan sát và phản hồi). Nghiên cứu được tiến hành trong 3 tuần đầu của khóa học (tuần 2, tuần 3, tuần 4). Đối tượng nghiên cứu là 32 sinh viên học lớp Kỹ năng bổ trợ tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội. Để tìm hiểu sự hiệu quả của phương pháp, chúng tôi so sánh kết quả của hai bài kiểm tra (bài kiểm tra đầu vào và bài kiểm tra đầu ra). Kết quả nghiên cứu cho thấy, sau khi được hướng dẫn viết sáng tạo, người học đã đưa ra được các tác phẩm viết sáng tạo là bài viết tạo hình (hình chữ, hình số, hình người, hình cốc, hình cây, hình mặt trời, hình viên kim cương) và các bài thơ. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng đa số người học có hứng thú với hoạt động này.

Từ khóa: Chiêm nghiệm sáng tạo, viết sáng tạo, sự sáng tạo, tạo hình, làm thơ.

Abstract: Our article has a purpose of exploring learners' creative ability through the reflection writing activity. To carry out the study, an action research approach with four steps (planning, acting, observing and reflecting) was applied. The study was conducted within the first 3 weeks of the course (week 2, week 3, week 4). The participants were 32 students studying in the same class of Supplementary Skills at the University of Languages and International Studies, Vietnam National University, Hanoi. To assess the effectiveness of this approach, we compared the

results of the two tests (pre-test and post-test). Besides, we delivered a survey to collect students' perception towards these activities based on this approach. The results show that learners were able to produce creative writing works after being guided in creative writing. Their creative writings consist of various types including pictures of letters, numbers, people, sun, cup of coffee, and poems. The results also show that the majority of students also affirmed their preference for this approach.

Keywords: Creative reflection, creative writing, creation, image creating, poem writing.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, khả năng sáng tạo được đánh giá là kỹ năng cần thiết trong mọi hoạt động của con người, đặc biệt là trong học tập. Nói đến sáng tạo thì nghệ thuật là một yếu tố quan trọng thúc đẩy khả năng sáng tạo. Việc đưa yếu tố nghệ thuật vào dạy học là một phần không thể thiếu trong chương trình giáo dục. Mô hình dạy học theo khuynh hướng Steam - xu thế kết hợp lồng ghép nghệ thuật vào việc dạy học mô hình đang được các nhà giáo dục quan tâm. Theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04.5.2017 của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành, các nhà giáo dục ở thời đại công nghệ 4.0 cần tập trung vào việc thúc đẩy giáo dục

* TS - Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: quynh.vnu297@gmail.com

Steam. Theo phương pháp giáo dục Steam, yếu tố nghệ thuật (Art) là yếu tố rất cần thiết để giúp người học khám phá và tạo ra những cái mới.

Viết sáng tạo (VST) cũng có thể coi là cách học theo mô hình Steam. Người viết không viết theo cách viết văn bản thông thường mà viết theo một cách đặc biệt, có sử dụng nghệ thuật. Bài viết của chúng tôi đề cập tới quá trình thử nghiệm viết chiêm nghiệm (VCN) một cách sáng tạo cho sinh viên (SV) bằng việc dùng chữ để *tạo hình* và *làm thơ*. Với cách viết này, người học sẽ phải tư duy sâu, sáng tạo ra các cách viết đặc biệt, mang tính nghệ thuật, độc đáo. Chúng tôi muốn tìm hiểu xem người học có thể thực hiện được khả năng này ở mức nào. Như Gardner [8] đã đề cập, con người sở hữu nhiều tài năng và năng lực khác nhau, có người thì có khả năng về Toán học, có người lại giỏi Văn học, có người giỏi Hội họa, Âm nhạc,... Đỗ Xuân Thảo cũng nhấn mạnh: “Ai cũng có tiềm năng sáng tạo, chỉ có điều ở mức độ khác nhau mà thôi; nếu có điều kiện thuận lợi thì tiềm năng này sẽ được bộc lộ một cách cụ thể” [3, tr.2]. Chính vì vậy, bài viết của chúng tôi đề cập tới hoạt động VST (*tạo hình* và *làm thơ*) để chiêm nghiệm lại các nội dung của các bài học ở môn học *Kỹ năng bổ trợ* cho SV Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Môn học *Kỹ năng bổ trợ* là môn học bắt buộc đối với SV học tập tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội. Môn học được giảng dạy bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có một hoạt động là yêu cầu người học VCN sau mỗi bài học. Môn học có 10 đơn vị bài học tương đương với 10 tuần học. Bài học được sử dụng để VCN một cách sáng tạo là bài 2 - Lập mục tiêu và quản lý thời gian (tuần 2) và bài 3 - Chuẩn bị cho kỳ thi (tuần 3). Như vậy, tùy vào từng bài

mà người học có thể VCN về buổi học đó: viết tóm lược lại nội dung toàn bài hoặc một trong những tiểu nội dung của bài, viết cảm nhận của mình về bài học, viết về nội dung/hoạt động mình ấn tượng nhất, thậm chí viết về những vấn đề mà mình đang băn khoăn,... (Đào Phương và cộng sự [15]).

Từ các lý do nêu trên, tác giả bài viết muốn thử nghiệm hoạt động VCN một cách sáng tạo của SV học môn *Kỹ năng bổ trợ* với mục đích tìm hiểu kết quả VST ở người học, tìm hiểu tác dụng cũng như hạn chế của hoạt động này đối với người học. Để thực hiện được mục đích trên thì hai câu hỏi nghiên cứu được đặt ra là: 1) Khả năng sáng tạo của người học được thể hiện như thế nào qua VCN?; 2) Thái độ của người học đối với hoạt động VST ra sao? Để thực hiện nghiên cứu này, tác giả đã áp dụng phương pháp nghiên cứu hành động của Clark và cộng sự [6].

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Viết chiêm nghiệm

Chiêm nghiệm là một phần trong tiến trình dạy học, giúp người dạy/người học được những điều từ chính thực tiễn trải nghiệm của mình. Về định nghĩa, Reid [16] cho rằng chiêm nghiệm là một tiến trình mà ở đó người dạy/người học xem xét lại trải nghiệm thực tế của mình qua việc miêu tả, phân tích, đánh giá và rút ra bài học từ công việc đó. Theo Moran và Dallas [13], chiêm nghiệm chính là học cách dạy/học liên quan đến việc học để nhìn lại hoạt động của bản thân một cách có hệ thống. Chiêm nghiệm có đặc điểm là phải có liên hệ với thực tế. Lyons [11] đã khẳng định chiêm nghiệm đòi hỏi phải có mối liên hệ giữa việc chiêm nghiệm với sự hiểu biết về thực hành thực tế. Do đó, người học không chỉ học kiến

thức môn học rồi VCN mà phải tham gia vào các hoạt động học tập, nghề nghiệp trong thực tiễn để cung cấp một cơ sở chặt chẽ, hợp lý cho hành động chiêm nghiệm của mình. Về ý nghĩa, chiêm nghiệm trong dạy/ học giúp ích cho việc phát triển cá nhân và phát triển chuyên môn của cá nhân. Như Jones [9] đã khẳng định, chiêm nghiệm đóng vai trò là một thành phần quan trọng trong việc phát triển năng lực chuyên môn và sự nghiệp lâu dài. Gần đây, Slade và cộng sự [17] nhấn mạnh rằng chiêm nghiệm có tác động lớn đến chương trình đào tạo của người học/người dạy theo những cách khác nhau. Cụ thể, nó cải thiện việc học tập của người học và người dạy. Như vậy, chiêm nghiệm có tác dụng lớn đối với việc học tập của người học, là chất kích thích để người học thể hiện sự hiệu quả trong việc học tập của mình. Chính vì vậy, tác giả đã chọn hoạt động VCN để giúp người học chiêm nghiệm lại bài học, nhìn lại những hoạt động mình đã thực hiện, rút ra những điểm hữu ích và hạn chế; từ đó có những phát triển tốt hơn cho bản thân.

2.1.2. *Viết sáng tạo*

Sáng tạo là hoạt động tạo ra những giá trị mới về vật chất hoặc tinh thần [4, tr.1085]. Sáng tạo, theo Huỳnh Văn Sơn [2] đề cập gồm hai tính chất là tính mới mẻ và tính độc lập. Tính sáng tạo được thể hiện ở tính mới mẻ trong sản phẩm của quá trình tư duy, tính độc lập được thể hiện ở sự suy nghĩ và hành động; tính độc lập sẽ là tiền đề để có các cách làm mới.

Khi đề cập đến VST là đề cập tới một cách viết mới, kỹ năng viết ở bậc cao. VST không giống như các kiểu viết thông thường (viết thông thường là viết theo dạng thức, khuôn mẫu có sẵn với mục đích cung cấp thông tin). Trong VST, người viết có ý định trình bày mục đích riêng của họ; thể hiện bài

viết ở tính mới mẻ và độc lập. Có nhiều luận bàn về VST đã được các tác giả trên thế giới nói tới. Về quan niệm VST, Marshall cho rằng, “VST là việc sử dụng ngôn ngữ viết để hình thành khái niệm, khám phá và ghi lại những trải nghiệm theo cách riêng của mình nhằm tạo ra một biểu tượng độc đáo về trải nghiệm đó” [12, tr.10]. Theo Bennett và cộng sự [5], VST là việc viết nên nội dung tác phẩm bằng những thông tin giàu trí tưởng tượng để thu hút sự quan tâm của độc giả. Kiểu viết này bao gồm viết thơ, tiểu thuyết, kịch bản, truyện, truyện viễn tưởng, viết lời thoại cho phim và thậm chí viết về các cuộc ghi âm phỏng vấn. Về đặc điểm của VST, Pawliczak [14] cho rằng bài VST có đặc điểm là nhấn mạnh vào việc người viết phải tưởng tượng ra thông tin, sử dụng các biện pháp nghệ thuật và đổi mới trong phong cách viết. Người viết phải có những ý tưởng, trải qua một quá trình tư duy và làm việc nghiêm túc, thận trọng, quan sát tinh tế mới tạo nên một tác phẩm VST; sau đó, trình bày tác phẩm của mình dưới dạng một văn bản cụ thể và chia sẻ cho người khác. Kroll [10] nhận xét trong VST, người học phải được hướng dẫn một cách cụ thể; người dạy phải là người nắm vững lý thuyết của bài viết sáng tạo đưa ra các bước để hỗ trợ, hướng dẫn người học thực hiện quy trình VST. Finch [7] và Đoàn Thuý Quỳnh [1] đề cập tới cách VST thật đặc biệt, VST bằng thơ hình. Theo Finch, thơ hình là một kiểu thơ riêng, có các từ được xếp thành hình ảnh và hình ảnh chính là chủ đề đồng thời là nội dung của bài viết. Từ ngữ trong thơ hình được sắp xếp lại với nhau, có chọn lọc, có nét đẹp và không nhất thiết phải tuân thủ các quy tắc ngữ pháp. Finch không đề cập đến yếu tố nhịp điệu, vần (hài âm), điệp âm, cũng không đề cập đến các yếu tố tu từ (ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa,...) như trong thơ tiếng Anh thông thường. Tuy nhiên,

2.2.3. *Phạm vi nghiên cứu*: người học tham gia VCN một cách sáng tạo ở hai bài học của môn Kỹ năng bổ trợ. Bài 2: lập mục tiêu và quản lý thời gian, gồm những nội dung: mục tiêu, phân loại mục tiêu, cách xác lập mục tiêu thông minh, quản lý thời gian, ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý thời gian,... Bài 3: chuẩn bị cho kỳ thi lớn, gồm những tiểu nội dung liên quan đến học tập và thi cử như các hình thức kiểm tra đánh giá, các phương pháp học ôn, các cách thư giãn khi học ôn, cân bằng cảm xúc, cách tạo hormone hạnh phúc,...

2.2.4. *Cách thức thực hiện nghiên cứu*: nghiên cứu hành động gồm 4 bước được thiết kế nghiêm ngặt và được thực hiện trong 3 tuần (tuần 2, tuần 3, tuần 4) của khóa học 12 tuần với 2 bài kiểm tra (bài kiểm tra đầu vào và bài kiểm tra đầu ra) như sau:

Bước 1: Lập kế hoạch.

Sau khi đã học xong nội dung Bài 2 ở tuần 2, người học được giao VCN về bài học. Đây chính là bài kiểm tra đầu vào. Nội dung của bài kiểm tra yêu cầu người học không viết theo cách thông thường, mà viết theo cách khác biệt (dùng thơ và hình ảnh); nộp bài cho giáo viên trước buổi học của tuần kế tiếp.

Bước 2 và bước 3: Hành động và Quan sát.

Hai bước Hành động và Quan sát được thực hiện gần như song song với nhau. Vào tuần 3, trước khi tiến hành VCN cho buổi tiếp theo, giáo viên trình bày đặc điểm VST, các cách VST và hướng dẫn cách VST cho người học. Sau khi người học đã được học một số kỹ thuật VST và học xong nội dung bài 3, giáo viên giao cho người học VCN về nội dung của bài 3. Đây chính là bài kiểm tra đầu ra: yêu cầu VCN nội dung của bài một cách sáng tạo và nộp bài cho giáo viên trước buổi học của tuần kế tiếp.

Bước 4: Phản hồi.

Vào tuần 4, sau khi người học nộp sản phẩm, giáo viên chia sẻ và nhận xét các tác phẩm chiêm nghiệm, đồng thời phỏng vấn và điều tra người học về hoạt động này.

2.3. *Kết quả nghiên cứu*

2.3.1. *Câu hỏi nghiên cứu 1*: Khả năng sáng tạo của người học được thể hiện như thế nào qua VCN?

Để tìm hiểu khả năng VCN một cách sáng tạo ở 32 người học môn Kỹ năng bổ trợ, chúng tôi so sánh kết quả của bài kiểm tra đầu vào (tuần 2) và bài kiểm tra đầu ra (tuần 4). Tiêu chí đánh giá của bài kiểm tra là người học cần tạo thành hình ảnh ở bài VCN (khi người học chọn cách VST là tạo hình); hoặc người học viết thành bài thơ (khi họ chọn cách VCN bằng thơ). Tên của đối tượng tham gia nghiên cứu đã được chúng tôi mã hóa và đánh số thứ tự từ SV1 đến SV32. Kết quả được tóm tắt ở Bảng 1.

Dựa trên kết quả của hai bài kiểm tra cho thấy, người học có khả năng VST sau khi được hướng dẫn cách VST. Kết quả của bài kiểm tra đầu ra cho thấy có 53% tổng số người học đưa ra được các sản phẩm VST, so với bài kiểm tra đầu vào là 0%. Ở bài kiểm tra đầu vào, tỉ lệ người học tham gia VCN là 53%. Vì người học chưa học cách VST nên họ chỉ đưa ra các tác phẩm viết là văn xuôi, có 6 bài (19%) là bài viết dưới dạng sơ đồ tư duy (chưa gọi là VST theo quan niệm của bài nghiên cứu). Tuy nhiên, bài kiểm tra đầu ra cho thấy, tỉ lệ người học tham gia VCN là 69%. Vì người học đã được hướng dẫn VCN một cách sáng tạo nên tỉ lệ người học đưa ra được sản phẩm sáng tạo là 63%, trong đó 17 bài (tương đương 53%) là các tác phẩm tạo hình, 3 bài (tương đương 10%) là tác phẩm thơ. Có 2 bài viết được viết dưới dạng sơ đồ tư duy

Bảng 1. Bảng so sánh kết quả của bài kiểm tra đầu vào và bài kiểm tra đầu ra

Mã SV	Bài kiểm tra đầu vào						Bài kiểm tra đầu ra					
	Có bài	Bài sáng tạo	Tạo hình	Kiểu hình	văn bản	Sơ đồ tư duy	Có bài	Bài sáng tạo	Tạo hình	Kiểu hình	Thơ	Sơ đồ tư duy
SV1	0	0	0	0	0	0	1	1	1	Cốc cà phê	0	0
SV2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
SV3	0	0	0	0	0	0	1	1	1	Chữ	0	0
SV4	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0
SV5	1	0	0	0	0	1	1	1	1	Chữ	0	0
SV6	0	0	0	0	0	0	1	1	1	Chữ	0	0
SV7	0	0	0	0	0	0	1	1	1	kim cương	0	0
SV8	1	0	0	0	1	0	1	1	1	chữ	0	0
SV9	1	0	0	0	0	1	1	1	1	quyển sách	0	0
SV10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
SV11	1	0	0	0	1	0	1	1	1	mặt trời	0	0
SV12	1	0	0	0	0	1	1	1	1	chữ	0	0
SV13	1	0	0	0	1	0	1	1	0	0	1	0
SV14	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
SV15	1	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	1
SV16	1	0	0	0	1	0	1	1	1	người	0	0
SV17	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0
SV18	1	0	0	0	1	0	1	1	1	rèm cửa	0	0
SV19	1	0	0	0	0	1	1	1	1	số	0	0
SV20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
SV21	1	0	0	0	1	0	1	1	1	chữ	0	0
SV22	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	1	0
SV23	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
SV24	1	0	0	0	1	0	1	1	0	0	1	0
SV25	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
SV26	0	0	0	0	0	0	1	1	1	tháp	0	0
SV27	1	0	0	0	1	0	1	1	1	cây	0	0
SV28	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0
SV29	0	0	0	0	0	0	1	1	1	chữ	0	0
SV30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
SV31	1	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	1
SV32	0	0	0	0	0	0	1	1	1	tháp	0	0
Tổng	17	0	0	0	11	6	22	20	17	17	3	2
Tỉ lệ %	53	0	0	0	34	19	69	63	53	53	10	6
Ghi chú: tên sinh viên đã được mã hoá và đánh số thứ tự từ SV01-SV32												

(chưa gọi là VST theo quan niệm của bài nghiên cứu). 17 bài tạo thành hình ảnh được thể hiện ở các kiểu hình khác nhau như hình chữ, hình số, hình người, hình cốc, hình cây, hình mặt trời, hình viên kim cương,... 3 tác

phẩm là thơ được trình bày dưới dạng thơ lục bát và thơ tự do.

Bảng 1 còn cho thấy SV mang mã số SV1, SV3, SV7, SV22, SV26, SV29 và SV32 ban đầu không tham gia VST nhưng

sau khi được hướng dẫn cách VST đã tham gia, nhưng cũng có những SV (SV2, SV10, SV14, SV20, SV25, SV23, SV30) không tham gia từ đầu đến cuối. Bên cạnh đó lại có những SV (SV15, SV31) chỉ đưa ra tác phẩm là sơ đồ tư duy ở cả 2 bài kiểm tra.

2.3.2. *Câu hỏi nghiên cứu 2: Thái độ của người học đối với hoạt động VST ra sao?*

Bên cạnh kết quả của hai bài kiểm tra, chúng tôi còn tiến hành một khảo sát để lấy ý kiến của người học nhằm tìm hiểu xem người học có hứng thú với hoạt động này không, ở góc nhìn của người học thì hoạt động này có tác dụng và hạn chế như thế nào. Toàn bộ 32 SV tham gia nghiên cứu đã tham gia trả lời câu hỏi khảo sát. Kết quả khảo sát được trình bày tóm tắt như sau:

- Về độ hứng thú của người học khi tham gia vào hoạt động VST:

Câu hỏi thứ nhất trong bảng khảo sát là *Em có thích hoạt động VST không?* Câu hỏi này có hai phương án lựa chọn để trả lời là *có* và *không*. Tổng số 32 SV được khảo sát có 28 SV trả lời *có* (chiếm 87,5%), 4 SV trả lời *không* (chiếm 12,5%). Kết quả này cho thấy đại đa số SV thích dùng cách VST để VCN bài học.

Câu hỏi thứ hai trong bảng khảo sát là *Em hãy giải thích lý do vì sao mình thích hoạt động VST và vì sao mình không thích hoạt động VST?* Những SV thích hoạt động VST có trả lời là hoạt động đã kích thích khả năng sáng tạo ở các em, giúp các em tăng khả năng tưởng tượng. Các em thích hoạt động này vì nó là hoạt động mới mẻ mà các em chưa được trải nghiệm trước đây. Các em thích được sáng tạo, thích tưởng tượng, thích cách làm mới, không bị gò bó trong nguyên tắc, sản phẩm thì lại đẹp và ấn tượng. Thậm chí có những SV không viết được bài sáng tạo mà chỉ xem

các tác phẩm sáng tạo của các bạn cũng đưa ra lý do mình thích. Những thông tin trả lời này cũng đã được đề cập trong phần lý thuyết về VST của các tác giả Marshall [12]; Sơn [2]; Pawliczak [14]. Sau đây là một số ví dụ cụ thể:

“Em thích vì nó sáng tạo” (SV07).

“Vì đúng như tên gọi của hoạt động, VST là cơ hội để em viết lên những ý tưởng mới lạ của bản thân, cái mà trước đây em chưa từng nghĩ tới. Em có thể lồng ghép nhiều nội dung phong phú chỉ qua một hình ảnh” (SV09).

“Em thấy rất hứng thú với hoạt động bởi nó phù hợp với khả năng sáng tạo của em và nó giúp em tiếp thu được nhiều bài học hơn qua bài làm của các bạn” (SV13).

“Em được thỏa sức với nghệ thuật, được làm thơ và vẽ ạ” (SV22).

“Hoạt động này giúp kích thích tư duy sáng tạo” (SV25).

“Vì em thể hiện được trí tưởng tượng” (SV27).

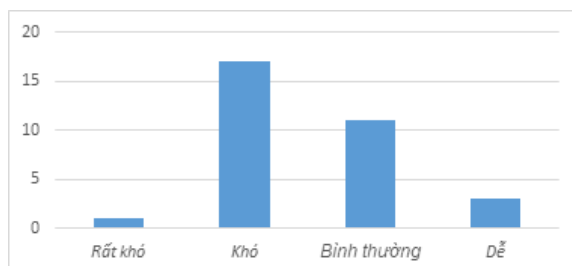
“Hoạt động cho em trải nghiệm mới lạ” (SV30).

Bên cạnh đó, những SV không thích hoạt động này đã đưa ra lời giải thích rất thuyết phục. SV mang mã SV23 nói rằng *“Em không tự tin với khả năng nghệ thuật và sáng tạo của mình ạ”* còn SV mang mã SV04 nói rằng *“Chúng em phải viết nhiều lần quá, đâm ra nhiều bài không có ý tưởng”*. SV mã SV12 và SV24 đều có chung quan điểm là không thích việc viết lách nói chung *“Em không có hứng thú với chuyện viết lách”*.

- Về độ khó của hoạt động viết chiêm nghiệm một cách sáng tạo:

Phiếu khảo sát còn đề cập đến độ khó của hoạt động VCN một cách sáng tạo. Câu

hỏi này gồm có 4 lựa chọn: *rất khó*, *khó*, *bình thường* và *dễ*. Câu trả lời được minh họa ở Hình 1.



Hình 1. Biểu đồ tóm tắt câu trả lời về độ khó của viết sáng tạo

Biểu đồ trên cho thấy: có 1/32 SV cho là *rất khó*, 17/32 SV trả lời là *khó*, 11/32 SV cho là *bình thường* và thật bất ngờ, có 3/32 SV cho là *dễ*. Người học có câu trả lời hoạt động này *rất khó* lập luận rằng “Việc tìm kiếm ý tưởng để gửi gắm cho nội dung của bài là một điều khó, thêm việc căn bố cục sao cho thuận mắt và sáng tạo là điểm khó nhất” (SV09). Tỷ lệ người học trả lời hoạt động VST là *khó* chiếm số lượng lớn nhất và cũng là điều khá dễ hiểu khi bàn về VST. Các em đều hướng tới câu trả lời rằng đây là hoạt động đòi hỏi sự sáng tạo, cần ý tưởng, thời gian, công sức và khả năng tư duy, cần phải làm quen với nó. SV mang mã SV24 viết rằng “Em có nguồn cảm hứng, nhưng em không đủ khả năng để diễn tả hay khắc họa nó qua hình ảnh hay chữ nghĩa ạ”; SV mang mã SV30 cũng đồng tình và lập luận đây là hoạt động “cần nhiều chất xám, thời gian và công sức đầu tư lớn”; “Ngôn từ vẫn còn hạn hẹp và tính sáng tạo chưa cao, em cảm thấy mỗi lần VST mất khá nhiều thời gian để hoàn thành” (SV17); SV mã SV02 viết: “Hoạt động này với em khá khó vì mình sẽ phải suy nghĩ, liên kết những hình ảnh và nội dung làm sao cho hợp lý và sáng tạo nhất có thể, em thì đôi lúc bị bí ý tưởng”; SV mã SV25 cho rằng khó vì em “chưa quen với hoạt động này”.

Một kết quả khá thú vị khi có 11/32 SV có câu trả lời hoạt động VCN một cách sáng tạo là *bình thường* như những hoạt động khác. Các em cũng đưa ra lý do cho ý kiến của mình. Theo các em thì đây là những hoạt động mà mình được thỏa mãn đam mê, mình được tự do sáng tạo những hình ảnh mình muốn. Theo SV mã SV29, đây là hoạt động khó ở mức bình thường vì “mọi người đều có thể viết được”, SV mã SV19 thì cho rằng “Viết sáng tạo là không giới hạn nên em có thể thoải mái tạo ra các tác phẩm của bản thân mà không có bất kỳ sự áp lực nào”, hay “Tại vì em thấy hoạt động này rất thú vị, mình nghĩ gì thì viết cái đó nên cũng không khó lắm” (SV08). Những câu trả lời này cũng trùng với quan điểm về VST mà Gardner [8] và Đỗ Xuân Thảo [3] đã đề cập.

Một điều thú vị nhất là có 3 câu trả lời cho rằng hoạt động VCN một cách sáng tạo là *dễ*. Theo chúng tôi quan sát thì những SV đưa ra câu trả lời này đều là những SV có tố chất sáng tạo, có nhiều ý tưởng, có sự đam mê với nghệ thuật và đều có tác phẩm VST xuất sắc. Sau đây là ý kiến của 3 SV cho rằng VST là một hoạt động dễ: “Em thấy có rất nhiều đề tài, ý tưởng có thể khai thác và vận dụng để mang vào làm bài tập khoa học cho môn Kỹ năng bổ trợ” (SV01); “Em cũng khá thành thạo các phần mềm ứng dụng như word, excel hay powerpoint, em cũng có mảng thích nghệ thuật, vẽ nên em cũng không thấy nó khó khăn lắm” (SV05); còn SV mang mã SV13 thì cho rằng “Em thấy đã là đam mê thì khó cũng thành dễ ạ”.

- Về tác dụng của hoạt động viết sáng tạo:

Câu hỏi cuối cùng trong phiếu khảo sát đề cập đến tác dụng của hoạt động VST. Các em đều đưa ra những nhận xét tích cực

về hoạt động này: giúp thư giãn, tăng cường ghi nhớ, tăng cường khả năng tưởng tượng, giúp các em hiểu hơn nội dung mình học, xem xét lại trải nghiệm thực tế của mình, phát triển chính mình. Những tác dụng về VCN sáng tạo trong những câu trả lời này cũng trùng với quan điểm về VCN, VST mà Reid [16], Jones [9] và Slade [17] đã đề cập. Sau đây là một vài câu trả lời điển hình:

“Rất hữu ích để kích thích não bộ và tạo niềm vui trong học tập” (SV01).

“Theo em thì hoạt động này là hữu ích vì nó làm tăng khả năng sáng tạo, giúp đầu óc thoải mái” (SV08).

“Chiêm nghiệm là một cách tốt để nhìn lại, ôn lại những kiến thức đã học và nêu ra quan điểm về môn học, cũng như là đóng góp” (SV12).

“Em thấy hữu ích vì nó giúp em sáng tạo hơn, giúp em mở rộng suy nghĩ tư duy logic và hiểu bài hơn” (SV02).

“VST là hoạt động bổ ích với cá nhân mỗi SV, để SV có sân chơi thể hiện khả năng của mình. Ngoài ra còn có thể áp dụng cho những dự án trong tương lai nữa” (SV28).

“Em trước kia chưa từng biết đến VCN, nhưng khi được làm bài VCN sáng tạo thì khá là thích thú. Việc VST giữ sự sáng tạo và phát triển trí tưởng tượng của mình hơn” (SV32).

2.4. Thảo luận

Từ kết quả trên, chúng tôi có thể kết luận rằng VST bằng việc *tạo hình* và *làm thơ* hoàn toàn thích hợp khi áp dụng để VCN bài học vì bước đầu đã thu được những kết quả đáng kể từ người học và được người học hưởng ứng. Kết quả của hoạt động VCN sáng tạo là đa dạng các sản phẩm sáng tạo và đạt yêu cầu về đặc điểm hình thức và nội dung.

- *Về hình thức*: các tác phẩm tạo hình là các hình ảnh được tạo từ câu, từ, văn bản, chẳng hạn: hình chữ happy, chữ test, chữ A+, hình cốc, hình mặt trời, hình người, hình cây,... đảm bảo đúng yêu cầu tạo hình. Với những tác phẩm là thơ, người học đã viết nội dung chiêm nghiệm thành bài thơ lục bát và thơ tự do.

- *Về nội dung*: các “tác giả” đã đưa ra được những tác phẩm một cách sáng tạo mang nội dung xoay quanh chủ đề học tập, thư giãn, thi cử,... như đề bài yêu cầu. Sau đây là một ví dụ tiêu biểu của SV mã SV01. Tác phẩm VST có nội dung nói về *các bước chuẩn bị cho kỳ thi (steps to prepare for exams)* được thể hiện ở Hình 2.



Hình 2. Tác phẩm của sinh viên mang mã số SV01

Hình 2 làm rõ chiến thuật học ôn (study tips) để nâng cao điểm số (improvement) bằng 5 bước chuẩn bị cho kỳ thi, đó là: bước 1 - chuẩn bị (preparation); bước 2 - lên kế hoạch học ôn (planning); bước 3 - học ôn (studying); bước 4 - đi thi (in exams); bước 5 - phản hồi sau khi thi (reflection) và hình ảnh cốc cà phê (coffee) mang thông điệp khi học tập cũng cần thư giãn là uống một cốc cà phê.

SV mã số SV13 viết về cảm xúc của mình khi học xong bài 3 bằng một bài thơ lục bát. Sau đây là trích đoạn một số câu thơ cuối trong bài thơ đó:

“Cuối giờ không khí như xuân

Cô giao bài tập luôn luôn đúng giờ

Viết bài chiêm nghiệm bằng thơ

Hoặc viết sáng tạo, lá cờ, ngôi sao

Áp dụng tri thức cô trao

Ai làm bài tốt cô trao điểm mười”

(Trích đoạn trong tác phẩm của SV mang mã số SV13)

- Về lợi ích của viết sáng tạo: người học được trải nghiệm một hoạt động mới mẻ. Thay vì VCN thông thường bằng văn bản, người học đã viết những nội dung này thành hình ảnh và thành các bài thơ mang tính nghệ thuật. Chính điều này đã tạo nên sự độc đáo, khiến người học thư giãn và cũng là chất kích thích để người học thể hiện sự hiệu quả trong việc học tập của mình.

3. Kết luận

Bài viết của chúng tôi đã tập trung tìm hiểu cách VST của người học qua hoạt động VCN và bước đầu đã cho một số kết quả tích cực: người học đã đưa ra được các bài viết tạo hình và các bài thơ; bên cạnh đó, họ có hứng thú với hoạt động này. Chúng tôi hy vọng ngoài ý nghĩa giúp người đọc hiểu sâu sắc hơn về đặc điểm, tác dụng của VCN, VST, VCN một cách sáng tạo, kết quả nghiên cứu còn có thể kích thích sự sáng tạo, rèn luyện tư duy và phát triển tư duy sáng tạo của người học; từ đó tạo động lực cho người học, khiến người học thêm yêu môn học mình đang theo học và cho những kết quả tốt trong học tập. Hoạt động VCN một cách sáng tạo có thể áp dụng cho những người đang giảng dạy và học tập môn Kỹ năng bổ trợ và những môn học có sử dụng VCN. Ngoài ra, hoạt động này còn có thể được sử dụng để viết nhật ký, viết báo tường và các hoạt động viết nghệ thuật khác nhằm thể hiện ý nghĩa, sự độc đáo của tác giả bài viết, giúp tạo ấn tượng cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đoàn Thuý Quỳnh, “Dạy viết sáng tạo trong tiếng Anh bằng thơ hình”, *Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài*, Số 39 (1), tr. 141-153, 2023.
- [2] Huỳnh Văn Sơn, *Giáo trình Tâm lý học sáng tạo*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2009.
- [3] Đỗ Xuân Thảo, “Một số kỹ thuật viết sáng tạo văn kể chuyện theo tranh ở tiểu học”, *Tạp chí Giáo dục*, Số 22(2), tr. 1-6, 2022.
- [4] Viện Ngôn ngữ học, Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2010.
- [5] Bennett, A., Clarke, G., Motion, A., & Naidoo, B., *Creative writing subject benchmark statement*, 2008. Retrieved June 27, 2022 from <http://www.nawe.co.uk/writing-in-education/writing-at-university/research.html>.
- [6] Clark, J. S., Porath, S., Thiele, J., & Jobe, M., *Action research*, New Prairie Press, Manhattan, 2020.
- [7] Finch, A. E., “Using poems to teach English”, *English Language Teaching*, Vol. 15, No. 2, pp. 29-45, 1998.
- [8] Gardner, H., *Multiple intelligences: The theory in practice*, Basic Books, New York, 1993.
- [9] Jones, E., *A portfolio for assessment of the practice of the special education resource teachers*, Doctoral dissertation, Victoria University of Wellington, 2007.
- [10] Kroll, J., “Creative writing and education”, in G. Harper (Ed.), *A companion to creative writing*, Wiley-Blackwell, Hoboken, 2003.
- [11] Lyons, N., “Portfolios possibilities: Validating a new teacher professionalism”, in N. Lyons (Ed.), *With portfolio in hand*, pp. 1-21, Teacher College Press, New York, 1998.
- [12] Marshall, S., *Creative writing*, Macmillan, London, 1974.
- [13] Moran, A., & Dallas, J., “Promoting reflective practice in initial teacher training”, *International Journal of Educational Management*, Vol. 9, Issue 5, pp. 20-26, 1995.
- [14] Pawliczak, J., “Creative writing as a Best Way to Improve Writing Skills of Students”, *Sino-US English Teaching*, Vol. 12, No. 5, pp. 347-352, 2015.
- [15] Phuong, D. T. et al., *Skills for University Success*, VNU-University of Languages and International Studies, 2022.
- [16] Reid, B., ‘But we’re doing it already!’: Exploring a response to the concept of reflective practice in order to improve its facilitation, *Nurse Education Today*, Vol. 13, Issue 4, pp. 305- 309, 1993.
- [17] Slade, M., Burnham, T., Catalana, S., & Waters, T., “The impact of reflective practice on teacher candidates’ learning”, *International Journal for the Scholarship of Teaching and Learning*, Vol. 13, No. 2, pp. 1-8, 2019.